

Bản án số: 126/2021/HS-ST

Ngày: 12-11-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trọng Đại

Bà Nguyễn Thị Anh Quế

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Văn Nam - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 132/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2021/QĐXXST- HS ngày 28 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Y; sinh năm 1963; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm 6, xã T, Hện V, tỉnh N; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 7/10; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; bố đẻ: Không rõ; mẹ đẻ: Nguyễn Thị T (đã chết); gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba; có chồng là Nguyễn Văn L ; có hai con, con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20-8-2021 đến ngày 11-9-2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh (Có mặt).

2. Họ và tên: Nguyễn Văn H ; sinh năm 1984; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm 6, xã T, Hện V, tỉnh N; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; bố đẻ: Nguyễn Đức L ; mẹ đẻ: Vũ Thị L ; gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư; có vợ là Nguyễn Thị Thu H ; có ba con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20-8-2021 đến ngày 11-9-2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh (Có mặt).

3. Họ và tên: Nguyễn Việt L ; sinh năm 1985; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm 6, xã T, Hện V, tỉnh N; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; bố đẻ: Nguyễn Văn L ; mẹ đẻ: Nguyễn Thị Y; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ là

Trần Thị D; có ba con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 18-8-2021 cho đến nay (Có mặt).

4. Họ và tên: Nguyễn Thị Thu H ; sinh năm 1988; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm 6, xã T, Hện V, tỉnh N; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; bố đẻ: Nguyễn Văn L ; mẹ đẻ: Nguyễn Thị Y; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; có chồng là Nguyễn Văn H; có ba con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 18-8-2021 cho đến nay (Có mặt).

5. Họ và tên: Trần Thị D; sinh năm 1991; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm 6, xã T, Hện V, tỉnh N; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; bố đẻ: Trần Văn T ; mẹ đẻ: Nguyễn Thị T ; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ nhất; có chồng là Nguyễn Việt L ; có ba con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 18-8-2021 cho đến nay (Có mặt).

- *Bị hại*: Chị Trần Thị N ; sinh năm 1983; cư trú tại: Xóm 12, xã T, Hện X, tỉnh N(Có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Bà Đinh Thị H và Nguyễn Thị M - Luật sư Công ty luật TNHH Quốc tế DTH - Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội;

Địa chỉ: Tầng 4, 78 N, phường Y, quận C, Thành phố H (Bà M có mặt, bà H có đơn xin vắng mặt).

- *Những người làm chứng*:

1. Ông Nguyễn Văn L (Có đơn xin vắng mặt);
2. Chị Trần Thị Thu H (Vắng mặt);
3. Anh Nguyễn Tuấn T (Vắng mặt);
4. Bà Trần Thị Hồng V (Có đơn xin vắng mặt);
5. Bà Nguyễn Thị N (Vắng mặt);
6. Anh Đặng Văn M (Vắng mặt);
7. Anh Trịnh Công S (Vắng mặt);
8. Anh Đinh Ngọc H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2014, ông Nguyễn Văn L (sinh năm 1962, trú tại: Xóm 6, xã T, Hện V, tỉnh N) có quan hệ làm ăn với Công ty H, có trụ sở ở thị trấn X, Hện X, tỉnh N, thông qua việc làm ăn này ông L quen biết Chị Trần Thị N (sinh năm 1983, trú tại: Xóm 12, xã T, Hện X, tỉnh N, là con gái của Giám đốc Công ty H). Đến đầu năm 2021, chị N làm Chủ tịch Công đoàn Công ty H thay mặt Công ty làm việc với ông L. Quá trình tiếp xúc, ông L và chị N có quan hệ tình cảm với nhau. Việc này ông L và chị N đều giấu không cho gia đình biết.

Đến khoảng đầu tháng 5-2021, Nguyễn Thị Y (vợ ông L) phát hiện ông L có quan hệ tình cảm với chị N. Y nói cho các con gồm Nguyễn Việt L (là con trai Y), Nguyễn Thị Thu H (là con gái Y), Trần Thị D (là vợ L), Nguyễn Văn H (là chồng H) biết về việc đó. Sau đó ông L đã được vợ con nhiều lần nói chuyện nhưng ông L không nghe, vẫn tiếp tục giữ mối quan hệ tình cảm với chị N.

Khoảng 11h ngày 29-7-2021, trên đường L đi làm phát hiện chị N đi xe ô tô Vios màu trắng, BKS: 18A-236.95 do Anh Đặng Văn M (sinh năm 1988, trú tại: Xóm 6, xã X, Hện X, tỉnh N, là lái xe của Công ty H) đón ông L cùng vào trong khách sạn A (địa chỉ: Số 9 đường T, phường L, thành phố N) và thuê phòng nghỉ 106 tại khách sạn. Anh L thông báo cho mẹ là Nguyễn Thị Y biết. Y thông báo cho các con là H, H, D và bảo mọi người cùng đi bắt quả tang N, L ngoại tình, tất cả đồng ý. Khoảng 20 phút sau, Nguyễn Văn H điều khiển xe ô tô Vios màu đen, BKS 18A-170.94 chở Y, H, D đến đường N(gần khách sạn A). Đến khoảng 13h10' cùng ngày, nhóm Y, H, L, D, H phát hiện ông L và chị N đi từ trong khách sạn ra và đứng đợi xe ở trước số nhà 151 đường T, phường L, thành phố N, nhóm Y lao đến đuổi và bắt chị N, chị N bỏ chạy vào trong khách sạn rồi đi men theo ngạch sau ra đường lớn, nhóm Y đuổi theo nhưng bị lễ tân khách sạn ngăn không cho vào. Y, H, L, D, H ra ngoài, cãi nhau, xô sát với ông L, khoảng 15 phút sau L và H nói với mọi người: “Thôi ở đây thì chắc chắn nó sẽ không xuống, mình giả vờ đi về rồi quay lại, nếu gặp nó thì gặp, không thì thôi”. H lái xe chở mọi người đi từ hướng đường T rẽ vào đường Đ, khi đi đến đường Đ gần khu vực nghĩa trang Hoa Đồng thì phát hiện chị N đang chạy bộ trên đường. H lái xe đuổi theo, chị N chạy lên vỉa hè gần quán nước trên đường T, nhìn thấy mấy người đàn ông đang ngồi uống nước, chị N kêu cứu: “Các anh ơi cứu em với”. Lúc này, nhóm Y, H, H, D, L xuống xe hô: “Bắt nó về” đồng thời lao về phía chị N. H dùng tay túm lấy áo chị N, D dùng tay giữ lấy tay của chị N, Y chửi: “Con đĩ này, mày phá hoại hạnh phúc gia đình tao” và dùng hai tay túm lấy tóc của chị N giật nhiều phát ra đằng sau, L dùng hai tay giữ người chị N. Y, H, D hô: “Đưa nó lên xe”. Sau đó, H, D, H giữ và đẩy chị N lên ngồi ở ghế sau xe ô tô của H. H lái xe, H và Y ngồi ở ghế phụ, chị N ngồi ở giữa hàng ghế sau, D và L ngồi hai bên giữ chị N rồi đi về nhà Y ở Xóm 6, xã T, Hện V, tỉnh N. Về đến nhà, nhóm Y bắt chị N đi vào và yêu cầu ngồi trên ghế kê trong sân, L đi ra đóng cổng (chỉ cài móc cổng không khóa). Quá trình ngồi trên xe ô tô và ngồi tại sân nhà Y, chị N đã gọi điện cho ông L nói: “Anh ơi về cứu em, em đang ở nhà anh”. Khoảng 30 phút sau, ông L đi về nhà. Y và các đối tượng yêu cầu ông L, chị N thừa nhận việc ngoại tình, ông L và chị N không nhận. H lấy điện thoại mở các đoạn ghi âm các cuộc nói chuyện giữa ông L và chị N, thì ông L bức tức, chạy

vào trong bếp lấy một con dao ra chửi bới, đe dọa vợ con: “Chúng mày cút hết ra khỏi nhà tao, hôm nay tao sẽ giết chết chúng mày, xong tao đi tù cũng được”. Sau đó, ông L nói với chị N : “Đứng lên đi về” rồi mở cổng, đưa chị N ra đến gầm cầu vượt S2 gọi điện thoại cho anh M đến đón. Trên đường đi về chị N nói cho anh M biết việc bị bắt giữ trên.

Khi xảy ra sự việc, Anh Nguyễn Tuấn T (sinh năm 1988, trú tại: Thôn Đ, xã M, H, tỉnh N) đang ngồi uống nước ở vỉa hè đường T đã sử dụng điện thoại quay lại toàn bộ hành vi bắt giữ chị N của các bị cáo. Tại Cơ quan điều tra anh T đã giao nộp đoạn video đã quay.

Tiến hành lấy lời khai của người chứng kiến, người có liên quan điều khai phù hợp với nội dung vụ án như nêu trên. Ngoài ra, chị H chủ khách sạn A xác định: Từ khoảng tháng 3-2021, ông L và chị N thường xuyên đến thuê cùng phòng nghỉ tại khách sạn A, trung bình khoảng 1-3 lần/tuần vào khoảng thời gian từ 11h-13h.

Tiến hành cho chị N nhận dạng: Chị N đã nhận ra được các đối tượng Y, H, L, H, D đã có hành vi bắt, giữ chị N.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên.

Bản Cáo trạng số 107/CT-VKS-P2 ngày 14-10-2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Y, Nguyễn Văn H, Nguyễn Việt L, Nguyễn Thị Thu H và Trần Thị D về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (BLHS).

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và trình bày: Do thấy ông L có nhiều biểu hiện bất thường như nhẩn tìn, gọi điện lúc đêm khuya và hay đánh chửi vợ, nên đã đặt máy ghi âm tại vị trí ông L hay ngồi gọi điện, khi biết việc ông L ngoại tình, vợ con đã khuyên giải nhiều lần nhưng ông L không thay đổi, ngày 29-7-2021 khi phát hiện ông L cùng chị N vào nhà nghỉ thuê phòng đã dự định đến bắt quả tang, nhưng khi cả nhà đến nơi thì ông L và chị N đã xuống trả phòng, vì vậy các bị cáo ép chị N phải về nhà mục đích để làm rõ mối quan hệ giữa ông L và chị N, từ khi lên xe về nhà ngồi tại bàn nước ngoài sân tổng cộng khoảng 30 phút, chị N vẫn sử dụng điện thoại bình thường và không khoá cổng, việc phạm tội là do các bị cáo thiếu hiểu biết và bức xúc trước việc ông L ngoại tình, hiện bị cáo Y sức khoẻ yếu bị các bệnh viêm dạ dày, thoái hoá cột sống, có bố chồng là liệt sỹ, chồng là ông L mắc bệnh ung thư ác tính tuỵ giáp, bị cáo L và bị cáo D có 03 con nhỏ, con lớn mắc bệnh tâm thần, con nhỏ mới 4 tháng tuổi, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương. Bị cáo H trình bày xe ô tô bị cáo giao nộp là tài sản của bố mẹ bị cáo là ông Nguyễn Đức L và bà Vũ Thị L, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo và gia đình bị cáo xin lại để sử dụng.

Chị N gửi bản kiến nghị đề nghị Hội đồng xét xử không nhận định vào bản án nội dung chị và ông L có quan hệ tình cảm như bản Kết luận điều tra và Cáo

trạng, vì thực tế chị và ông L vào khách sạn chỉ vì công việc, bà Y cũng chỉ nghi ngờ ông L và chị có quan hệ tình cảm, chứ không khẳng định và đã xin lỗi chị. Nếu tại phiên tòa các bị cáo cam kết sau này không có lời nói, hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm sức khỏe, tính mạng chị và gia đình chị thì chị giữ nguyên quan điểm xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không yêu cầu bồi thường. Nếu không chị đề nghị xử lý nghiêm các bị cáo và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố, sau khi phân tích đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 157, các điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 58 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Y từ 12 tháng đến 15 tháng tù, bị cáo Nguyễn Văn H từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, xử phạt bị cáo Nguyễn Việt L từ 18 tháng đến 21 tháng cải tạo không giam giữ, các bị cáo Nguyễn Thị Thu H và Trần Thị D từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo phạt cải tạo không giam giữ. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu, nên không xem xét. Về vật chứng: Đề nghị tuyên trả lại cho bị cáo H chiếc xe ô tô đã thu giữ, vì xác định xe là phương tiện đi lại và của bố mẹ bị cáo giao cho bị cáo quản lý.

Đối với kiến nghị của chị N không có căn cứ chấp nhận vì các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ như file ghi âm các cuộc nói chuyện điện thoại giữa ông L và chị N, lời khai ông L, chị H, nhân viên khách sạn A đã đủ cơ sở khẳng định chị N và ông L có mối quan hệ tình cảm với nhau. Mặt khác, cả ông L và chị N đều có trụ sở Công ty nên việc thường xuyên thuê chung phòng khách sạn vào giờ nghỉ buổi trưa mà trình bày để trao đổi công việc là điều vô lý, không thể chấp nhận được.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nội dung văn bản kiến nghị của bị hại. Phía Luật sư không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm của Viện kiểm sát về việc giữa ông L và chị N có mối quan hệ tình cảm, bị hại cũng không yêu cầu các bị cáo phải xin lỗi, nhưng yêu cầu các bị cáo phải cam kết sau phiên tòa không được tiếp tục gây khó dễ cho bị hại và gia đình bị hại thì mới giữ nguyên quan điểm xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và không yêu cầu bồi thường.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Rất ân hận với việc đã làm, nên sẽ không có sự việc tương tự xảy ra nữa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự,

thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, có căn cứ xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ kết luận: Xuất phát từ việc biết chồng là Nguyễn Văn L có quan hệ tình cảm ngoài hôn nhân với Chị Trần Thị N, nên Nguyễn Thị Y đã thông báo với các con gồm Nguyễn Việt L , Nguyễn Thị Thu H , Nguyễn Văn H và Trần Thị D biết sự việc. Ngày 29-7-2021, L đi làm phát hiện thấy ông L và Chị Trần Thị N đi vào khách sạn A số 9 T, phường L, thành phố N, L đã thông báo cho Y biết, Y gọi H, H và D cùng đi đến khách sạn A để bắt quả tang. Khi phát hiện thấy chị N đang chạy bộ trên đường Đ về gần phía nghĩa trang Hoa Đồng, H lái xe đuổi theo ép chị N lên vỉa hè sau đó Y, L, H, H và D bắt giữ chị N đưa lên xe ô tô chở về nhà tại Xóm 6, xã T, Hện V, tỉnh N, tra hỏi về việc chị N quan hệ ngoại tình với ông L. Chị N gọi điện cho ông L về, do ông L, chị N không thừa nhận việc có quan hệ tình cảm với nhau, nên H đã lấy điện thoại mở ghi âm các cuộc nói chuyện điện thoại giữa ông L và chị N , ông L bức tức dùng dao đe dọa vợ con và mở cổng đưa chị N ra khu vực gầm cầu vượt đường S2 để anh M đến đón về. Hành vi đó của các bị cáo Y, L, H, H và D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 157 BLHS, nên quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về nhân thân là quyền cơ bản của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đều là những người có đủ năng lực khả năng để nhận biết hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Vì vậy, hành vi của các bị cáo cần được xử lý bằng pháp luật hình sự, nhằm trừng trị, răn đe, giáo dục người phạm tội và đáp ứng công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Xét vị trí, vai trò của các bị cáo thấy rằng: Sau khi được L cho biết ông L và chị N đang cùng nhau vào khách sạn Nguyễn Thị Y là người chủ động gọi cho các con cùng Y đi bắt quả tang ông L và chị N ngoại tình, khi thấy chị N đi ra từ khách sạn Y vừa chửi vừa túm tóc chị N giật ra phía sau, đồng thời hô: “Bắt nó về”; “Đưa nó lên xe” nên giữ vai trò đầu trong vụ án. Bị cáo H có hành vi giữ và đẩy chị N lên ngồi ở ghế sau xe ô tô, sau đó trực tiếp lái xe, đưa chị N về nhà, nên giữ vai trò thứ hai. Bị cáo H có hành vi dùng tay túm lấy áo của chị N , D dùng tay giữ lấy tay của chị N , L dùng hai tay giữ người chị N . H , D cùng Y hô: “Đưa nó lên xe”. Sau đó, H , D, cùng H giữ và đẩy chị N lên xe, D và L ngồi hai bên giữ chị N , nên xác định các bị cáo L, H , D có vai trò ngang nhau và cùng giữ vị trí thứ ba trong vụ án.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, nên đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Trong quá trình điều tra, bị hại Trần Thị N có đơn xin rút đơn tố cáo, xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, sự việc xảy ra bị hại cũng có lỗi đã xen vào làm ảnh hưởng hạnh phúc gia đình các bị cáo, bị cáo Y có bố chồng là Liệt sỹ, bản thân sức khoẻ yếu, mắc các bệnh viêm dạ dày, thoái hoá cột sống, chồng bị ung thư ác tính tuY giáp; các bị cáo khác đều có hoàn cảnh đông con nhỏ, bố mắc bệnh hiểm nghèo, bị cáo Nguyễn Việt L và Trần Thị D đang nuôi con nhỏ dưới 1 tuổi, con lớn bị bệnh tâm thần, nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội một phần do nhận thức pháp luật hạn chế và bức xúc việc ông L ngoại tình và vay nợ nhiều, không những phải thế chấp nhà đất của bản thân, còn thế chấp cả nhà đất của con cái để vay tiền Ngân hàng, các bị cáo đều có mối quan hệ ruột thịt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, cần xem xét để giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương, cũng đủ sức răn đe giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm, phân hoá vai trò cần xử phạt tù, nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo Y và bị cáo H có vai trò đầu và vai trò thứ hai trong vụ án, phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo còn lại. Xét hoàn cảnh của các bị cáo L, H, D đang nuôi con nhỏ, bố mắc bệnh hiểm nghèo, nên miễn khẩu trừ thu nhập cho các bị cáo.

[6] Đối với kiến nghị của bị hại cho rằng Kết luận điều tra và Cáo trạng nêu bị hại và ông L có quan hệ tình cảm với nhau là không đúng, nên đề nghị bản án không đưa vào phần nhận định, kiến nghị này của bị hại không được chấp nhận bởi lẽ: Căn cứ nội dung file ghi âm các cuộc nói chuyện điện thoại thể hiện yêu đương giữa ông L và chị N do các bị cáo xuất trình, tại cơ quan điều tra khi được nghe, ông L đã xác nhận đúng giọng nói của ông L và chị N trong các cuộc điện thoại đó (BL 247), mặt khác tên chị N rất nhiều lần được nhắc tới trong các cuộc nói chuyện điện thoại, ông L cũng xác nhận bản thân có mối quan hệ ngoài hôn nhân với chị N (BL 250, 252, 254), chị H quản lý khách sạn A có lời khai xác nhận về việc ông L và chị N là khách quen của khách sạn từ khoảng tháng 3-2021 đến nay, hai người thường xuyên đến thuê chung phòng nghỉ tại khách sạn của chị H trung bình mỗi tuần 1-3 lần, trong khoảng thời gian từ 11 h đến 13 giờ trưa (BL 257), ngày 29-7-2021 camera khách sạn ghi lại hình ảnh ông L và chị N vào khách sạn thuê chung phòng từ 11 h đến 13h 10, trong khi ông L thừa nhận Công ty của ông L là Công ty kinh doanh vật liệu xây dựng, không có mối quan hệ làm ăn với Công ty H kinh doanh về giày da, ông L chỉ được Giám đốc Công ty H nhờ giới thiệu người quen của ông L là đầu mối cung cấp phụ kiện liên quan đến Công ty H. Không thể nào Công ty ông L, chị N có trụ sở mà hai người lại phải thường xuyên bàn công việc với nhau vào giờ nghỉ trưa tại phòng riêng trong khách sạn. Cơ quan điều tra mặc dù không xử lý hành vi ngoại tình vi phạm đạo

đức của ông L và chị N , nhưng cũng đã răn đe, nhắc nhở. Phần nhận định của bản án bắt buộc phải đề cập đến mối quan hệ này thì mới đánh giá đúng động cơ, mục đích, lý do phạm tội của các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Chị Trần Thị N xác định bản thân không bị thiệt hại gì, không yêu cầu bồi thường, nên không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 USB lưu trữ 01 file ghi âm từ điện thoại di động của bị cáo Nguyễn Thị Thu H ghi lại các cuộc nói chuyện giữa ông Nguyễn Văn L và Chị Trần Thị N ; 01 đoạn video từ camera tại khách sạn A thể hiện việc ông L và chị N đi vào trong khách sạn và các đối tượng Y, H, L, H , D đến tìm ông L, chị N vào ngày 29-7-2021; 01 đoạn video do Anh Nguyễn Tuấn T cung cấp thể hiện việc các bị cáo bắt, giữ và đưa chị N lên xe ô tô. Tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 xe ô tô vios màu đen, BKS: 18A-170.94 vì xác định chỉ là phương tiện đi lại và là tài sản của ông Nguyễn Đức L và bà Vũ Thị L giao cho bị cáo quản lý, sử dụng.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; các điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58 BLHS,

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị Y, Nguyễn Văn H , Nguyễn Việt L , Nguyễn Thị Thu H và Trần Thị D phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Y 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Bị cáo bị giam giữ từ ngày 20-8-2021 đến ngày 11-9-2021);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Bị cáo bị giam giữ từ ngày 20-8-2021 đến ngày 11-9-2021);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Việt L 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày Ủy ban nhân dân (UBND) xã Tân Thành, Hện Vụ Bản, tỉnh Nam Định nhận được Quyết định thi hành án và bản án của Tòa án;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày UBND xã Tân Thành, Hện Vụ Bản, tỉnh Nam Định nhận được Quyết định thi hành án và bản án của Tòa án;

Xử phạt bị cáo Trần Thị D 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày UBND xã Tân Thành, Hện Vụ Bản, tỉnh Nam Định nhận được Quyết định thi hành án và bản án của Tòa án;

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Nguyễn Việt L , Nguyễn Thị Thu H , Trần Thị D;

Giao các bị cáo Nguyễn Thị Y, Nguyễn Văn H, Nguyễn Việt L, Nguyễn Thị Thu H và Trần Thị D cho UBND xã Tân Thành, Hện Vụ Bản, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách và cải tạo không giam giữ;

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định của pháp luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Thị Y và bị cáo Nguyễn Văn H cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo;

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét;

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS,

Tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 xe ô tô vios màu đen, BKS: 18A-170.94;

(Vật chứng đang được quản lý tại kho vật chứng của Cục thi hành án tỉnh Nam Định có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng số 09/21 ngày 21-10-2020 giữa Công an tỉnh Nam Định và Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định).

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS,

Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Bị hại;
- TAND+VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- Công an tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- UBND xã T, Huyện V;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án + VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Bạch Tuyết

